

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ
THÁNG 09 NĂM 2025**

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	TNH		AAA
2	ABT			ABT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BMC			BMC
19	BMI			BMI
20	BMP			BMP
21	BSI			BSI
22	BSR			BSR
23	BTP			BTP
24	BVH			BVH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
25	BWE			BWE
26	CCL			CCL
27	CDC			CDC
28	CHP			CHP
29	CII			CII
30	CMG			CMG
31	CNG			CNG
32	CRC			CRC
33	CSM			CSM
34	CSV			CSV
35	CTD			CTD
36	CTF			CTF
37	CTG			CTG
38	CTI			CTI
39	CTR			CTR
40	CTS			CTS
41	D2D			D2D
42	DBC			DBC
43	DBD			DBD
44	DC4			DC4
45	DCL			DCL
46	DCM			DCM
47	DGC			DGC
48	DGW			DGW
49	DHA			DHA
50	DHC			DHC
51	DHG			DHG
52	DIG			DIG
53	DPG			DPG
54	DPM			DPM
55	DPR			DPR
56	DRC			DRC
57	DSE			DSE
58	DSN			DSN
59	DVP			DVP
60	DXG			DXG
61	DXS			DXS
62	EIB			EIB
63	ELC			ELC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
64	EVF			EVF
65	FCN			FCN
66	FMC			FMC
67	FPT			FPT
68	FRT			FRT
69	FTS			FTS
70	GAS			GAS
71	GDT			GDT
72	GEE			GEE
73	GEG			GEG
74	GEX			GEX
75	GMD			GMD
76	GSP			GSP
77	GVR			GVR
78	HAH			HAH
79	HAX			HAX
80	HCD			HCD
81	HCM			HCM
82	HDB			HDB
83	HDC			HDC
84	HDG			HDG
85	HHP			HHP
86	HHS			HHS
87	HHV			HHV
88	HPG			HPG
89	HSG			HSG
90	HT1			HT1
91	HTG			HTG
92	HTI			HTI
93	HTN			HTN
94	HUB			HUB
95	HVH			HVH
96	ICT			ICT
97	IDI			IDI
98	IJC			IJC
99	IMP			IMP
100	ITC			ITC
101	KBC			KBC
102	KDC			KDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
103	KDH			KDH
104	KHG			KHG
105	KHP			KHP
106	KOS			KOS
107	KSB			KSB
108	LBM			LBM
109	LCG			LCG
110	LHG			LHG
111	LIX			LIX
112	LPB			LPB
113	LSS			LSS
114	MBB			MBB
115	MCM			MCM
116	MIG			MIG
117	MSB			MSB
118	MSH			MSH
119	MSN			MSN
120	MWG			MWG
121	NAB			NAB
122	NAF			NAF
123	NCT			NCT
124	NHA			NHA
125	NHH			NHH
126	NKG			NKG
127	NLG			NLG
128	NNC			NNC
129	NT2			NT2
130	NTL			NTL
131	OCB			OCB
132	OPC			OPC
133	PAC			PAC
134	PAN			PAN
135	PC1			PC1
136	PDR			PDR
137	PET			PET
138	PGC			PGC
139	PHR			PHR
140	PLX			PLX
141	PNJ			PNJ

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
142	POW			POW
143	PPC			PPC
144	PTB			PTB
145	PVD			PVD
146	PVP			PVP
147	PVT			PVT
148	RAL			RAL
149	REE			REE
150	SAB			SAB
151	SAM			SAM
152	SBA			SBA
153	SBT			SBT
154	SCR			SCR
155	SCS			SCS
156	SGN			SGN
157	SGR			SGR
158	SHB			SHB
159	SHI			SHI
160	SHP			SHP
161	SIP			SIP
162	SJD			SJD
163	SJS			SJS
164	SKG			SKG
165	SMB			SMB
166	SSB			SSB
167	SSI			SSI
168	STB			STB
169	SZC			SZC
170	SZL			SZL
171	TCB			TCB
172	TCH			TCH
173	TCI			TCI
174	TCL			TCL
175	TCM			TCM
176	TCT			TCT
177	TDC			TDC
178	TDM			TDM
179	TDP			TDP
180	TEG			TEG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
181	THG			THG
182	TIP			TIP
183	TLG			TLG
184	TMS			TMS
185	TNH			TPB
186	TPB			TRC
187	TRC			TTA
188	TTA			TV2
189	TV2			TVS
190	TVS			VCB
191	VCB			VCG
192	VCG			VCI
193	VCI			VDP
194	VDP			VDS
195	VDS			VFG
196	VFG			VGC
197	VGC			VHC
198	VHC			VHM
199	VHM			VIB
200	VIB			VIC
201	VIC			VIP
202	VIP			VIX
203	VIX			VJC
204	VJC			VND
205	VND			VNM
206	VNM			VPB
207	VPB			VPD
208	VPD			VPG
209	VPG			VPI
210	VPI			VRE
211	VRE			VSC
212	VSC			VTP
213	VTP			YEG
214	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3	CDN			CDN
4	CEO			CEO
5	DHT			DHT
6	DP3			DP3
7	DTD			DTD
8	DVM			DVM
9	DXP			DXP
10	HUT			HUT
11	HVT			HVT
12	IDC			IDC
13	IDV			IDV
14	KSV			KSV
15	L14			L14
16	LAS			LAS
17	LHC			LHC
18	MBS			MBS
19	MDC			MDC
20	MST			MST
21	NAG			NAG
22	NBC			NBC
23	NDN			NDN
24	NTP			NTP
25	PLC			PLC
26	PMC			PMC
27	PSD			PSD
28	PSI			PSI
29	PTI			PTI
30	PVB			PVB
31	PVC			PVC
32	PVG			PVG
33	PVI			PVI
34	PVS			PVS
35	S99			S99
36	SED			SED
37	SHS			SHS
38	SLS			SLS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
39	SZB			SZB
40	THD			THD
41	TMB			TMB
42	TNG			TNG
43	TVD			TVD
44	VC3			VC3
45	VCS			VCS
46	VFS			VFS
47	VGS			VGS
48	VNR			VNR
49	VTZ			VTZ

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của Công ty:

<https://www.lpbs.com.vn/danh-muc-ky-quy-news33>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Người lập



VÕ ĐẶNG NHƯ QUỲNH

Kiểm soát



ĐÀO THIÊN HƯƠNG

Giám đốc Khối Vận hành



HOÀNG CÔNG NGUYÊN VŨ